TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: **81**/2016/HSST
Ngày 18/8/2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hồ Hoàn Kiếm*
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Hưng Quang, Cán bộ hưu trí
2. Bà Trần Thị Ngọc Linh, Chủ tịch liên đoàn lao động huyện T

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: *Ông Hán Tấn Tiến, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: *Ông Lâm Đa Cha, Kiểm sát viên.*

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 78/2016/HSST, ngày 14/7/2016 đối với các bị cáo:

1. Võ Văn A, sinh ngày 17/6/1997 tại huyện T, tỉnh Bình Thuận; nhân khẩu thường trú và chỗ ở: thôn 2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; học vấn: 06/12; nghề nghiệp: thợ hàn; con ông Lương Thế V và bà Võ Thị L ; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2015/HSST ngày 29/6/2015 của Tòa án nhân huyện T xử phạt Võ Văn A 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/10/2015; bị tạm giam từ ngày 06/5/2016; có mặt.

2. Nguyễn Thành B, sinh ngày 16/9/1995 tại huyện T, tỉnh Bình Thuận; nhân khẩu thường trú và chỗ ở: khu phố 5, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; học vấn: 6/12; nghề nghiệp: thợ hàn; con ông Nguyễn Thành L và bà Trần Thị Ngọc T ; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại; có mặt.

3. Trần Ngọc C, sinh ngày 18/10/1992 tại huyện B , tỉnh Bình Thuận; nhân khẩu thường trú và chổ ở: thôn 1, xã S, huyện B , tỉnh Bình Thuận; học vấn: 5/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Trần H và bà Trịnh Thị T ; vợ Dương Thị Minh A , con có 02 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại; có mặt.

Người bị hại: Trương Nguyễn Uyên **D**, sinh năm 1981; trú tại: xóm 4, thôn L, xã P , huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Võ Văn A, Nguyễn Thành B và Trần Ngọc C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 28/4/2016, Nguyễn Thành B chạy xe mô tô hiệu Wave chở Võ Văn A từ thôn 2, xã P để đi chơi, khi đến trước nhà của Trương Nguyễn Uyên D ở thôn L, xã P, huyện T thì Nguyễn Thành B nhìn thấy trong sân nhà có 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 86H4-77XX, xe cắm sẵn chìa khóa, không ai trông coi. A bảo B dừng xe lại để cho A đi trộm xe bán kiếm tiền, B đồng ý và dừng xe lại chờ A trên đường liên xã P – L, A vào trong sân nhà dắt xe mô tô 86H4-77XX ra đường, mở ổ khóa, nổ máy chạy về nhà của B ở khu phố 5, thị trấn L cất giấu. Sau đó, A bảo B tìm gạ bán xe mô tô 86H4-77XX. B nhớ lại trong tháng 3/2016 đã có số điện thoại di động của Trần Ngọc C qua mạng Internet và đã trực tiếp gặp C tại khu vực cây xăng K thuộc huyện B, do B đã bán 01 chiếc xe hiệu Dream cho người bạn của C tên Thắng thì C thấy giá rẽ, nên C đã nói với B "khi nào có xe trộm được không có giấy tờ thì bán cho C". Do dó, B gọi điện thoại cho C nói có chiếc xe hiệu Sirius cũng còn mới bán cho C thì C hẹn gặp B tại khu vực Trạm thu phí thuộc xã S, huyện B. Lúc này, khoảng 23 giờ cùng ngày A chạy xe mô tô hiệu Wave, còn B chạy xe mô tô 86H4-77XX đến gặp C, C biết xe mô tô 86H4-77XX do B trộm cắp được và bán lại cho C với giá 4.000.000 đồng, như C đã hứa hẹn trước. C trả giá còn lại là 3.500.000 đồng, B hỏi ý A thì A đồng ý bán với giá này. Sau khi bán được xe mô tô thì B lấy 1.000.000 đồng, A lấy 2.500.000 đồng. Sau khi mua xe C đã tẩy xóa số khung, số sườn để sử dụng làm phương tiên đi lại cá nhân. Đến ngày 25/6/2016 Cơ quan điều tra Công an huyện T phát hiện Trần Ngọc C là người mua xe mô tô 86H4-77XX thì C tự nguyện giao nộp xe mô tô tại Công an xã S, huyện B để trả lại cho chủ sở hữu.

* Kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐG ngày 28/6/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn xanh, biển số 86H4 - 77XX, số khung: S3106Y030571, số máy: 3S31-030571 có giá thực tế tại thời điểm bị trộm là: 16.000.000 đồng/chiếc x 65% = 10.400.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 81/QĐ/KSĐT/VKS-HS, ngày 13/7/2016 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Võ Văn A, Nguyễn Thành B và Trần Ngọc C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên đề nghị: áp dụng khoản 1 điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 53; điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Văn A từ 12 đến 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 53; điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành B từ 12 đến 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 53; điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc C từ 9 đến 12 tháng tù; cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng về tội "Trộm cắp tài sản"

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo Võ Văn **A**, Nguyễn Thành **B** và Trần Ngọc **C** phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định bị cáo thực hiện hành vi như nội dung cáo trạng.

Các bị cáo Võ Văn **A** và Nguyễn Thành **B** là công dân nhận thức được hành vi của mình, có sức khỏe để lao động kiếm thu nhập nhưng với bản tính tham lam, lười lao động, xem thường pháp luật, muốn có tiền do không do sức lao động làm ra nên bị cáo nghĩ đến việc chiếm đoạt tài sản của người khác, khoảng 18 giờ 30 phút ngày 28/4/2016, Nguyễn Thành B chạy xe mô tô hiệu Wave chở Võ Văn **A** từ thôn 2, xã P để đi chơi, khi đến trước nhà của Trương Nguyễn Uyên **D** ở thôn L, xã P thì A nhìn thấy trong sân nhà có 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 86H4-77XX, xe cắm sẵn chìa khóa, không ai trông coi. A liền nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe nên bảo B dừng xe lại để cho A đi trộm xe bán kiếm tiền, B đồng ý và dừng xe lại chờ A trên đường liên xã P – L, A vào trong sân nhà lén lút dắt xe mô tô 86H4-77XX ra đường, mở ổ khóa, nổ máy chạy về nhà của B ở khu phố 5, thị trấn L cất giấu.

Hành vi đó của các bị cáo Võ Văn A và Nguyễn Thành B đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô hiệu Sirius biển số 86H4-77XX, A bảo B tìm gạ bán xe mô tô 86H4-77XX thì B mới nhớ lại trong tháng 3/2016 đã có số điện thoại di động của Trần Ngọc C qua mạng Internet và đã trực tiếp gặp C tại khu vực cây xăng K thuộc huyện B, do B đã bán 01 chiếc xe hiệu Dream cho người bạn của C tên Thắng thì C thấy giá rẽ, nên C đã nói với B "khi nào có xe trộm được không có giấy tờ thì bán cho C". Do dó, B gọi điện thoại cho C nói có chiếc xe hiệu Sirius cũng còn mới bán cho C thì C hẹn gặp B tại khu vực Trạm thu phí thuộc xã S, huyện B. Lúc này, khoảng 23 giờ cùng ngày A chạy xe mô tô hiệu Wave, còn B chạy xe mô tô 86H4-77XX đến gặp C, C biết xe mô tô 86H4-77XX do B trộm cắp được và bán lại cho C với giá 4.000.000 đồng, như C đã hứa hẹn trước. C trả giá còn lại là 3.500.000 đồng, B hỏi ý A thì A đồng ý bán với giá này. Sau khi bán được xe mô tô thì B lấy 1.000.000 đồng, A lấy 2.500.000 đồng.

Bị cáo C chỉ hứa hẹn với bị cáo B chứ không có hứa hẹn với bị cáo A là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; khi thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô hiệu Sirius biển số 86H4-77XX, bị cáo B cũng không nói gì với bị cáo A về lời hứa hẹn của bị cáo C, chỉ khi thực hiện xong hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 86H4-77XX và tìm người tiêu thụ thì bị cáo B mới nhớ tới lời hứa hẹn của bị cáo C. Vì vậy, bị cáo C không có giúp sức gì cho các bị cáo A và B trọng việc trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 86H4-77XX và không có sự thống nhất ý chí giữa các bị cáo trong việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo C không phạm tội "Trộm cắp tài sản" với vài trò là đồng phạm giúp sức như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo C chỉ biết xe mô tô hiệu Sirius biển số 86H4-77XX do trộm

cắp mà có nhưng vẫn mua nên hành vi của Trần Ngọc C phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 điều 250 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Võ Văn A và Nguyên Thành B cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự phân công, câu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo A là người khởi xướng đồng thời thực hiện hành vi nên phải chịu mức án nghiêm khắc hơn so với bị cáo B là người giúp sức cho A để thực hiện hành vi

Hành vi của các bị cáo A và B rất táo bạo, xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên phải xử lý các bị cáo nghiêm khắc bằng hình phạt tù, các ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời qua đó nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, các bị cáo A và B khai báo thành khẩn và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự và bị cáo B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự, xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước chúng ta.

Đối với bị cáo Trần Ngọc C, hành của bị cáo đã xâm hại tới trật tự công cộng nên cũng phải xử lý bị cáo nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo khai báo thành khẩn, khắc phục hậu quả, và phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, b, h khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự, xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo C có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly bị cáo mà cho bị cáo tự cải tạo bản thân dưới sự giám sát của chính quyền và gia đình cũng trở thành người có ích cho xã hội.

Về phần dân sự: người bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo Trần Ngọc C dùng mua xe mô tô hiệu Sirius biển số 86H4-77XX, đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước, số tiền trên bị cáo A đã sử dụng 2.500.000 đồng và bị cáo B sử dụng 1.000.000 đồng nên buộc các bị cáo nộp lại sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn A và Nguyễn Thành B phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Trần Ngọc C phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Áp dụng: khoản 1 điều 138; điểm p khỏan 1 và khoản 2 điều 46; điều 53; điều 33 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Võ Văn A 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2016.

Áp dụng: khoản 1 điều 138; điểm h, p khỏan 1 và khoản 2 điều 46; điều 53; điều 33 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành B 6 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: khoản 1 điều 250; điểm b, h, p khỏan 1 điều 46; điều 60 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc C 9 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thửa thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng: khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự

Buộc bị cáo Võ Văn A nộp lại 2.500.000 đồng và Nguyễn Thành B nộp lại 1.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng: điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH 12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí của Toà án

Các bị cáo A, B và C mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Án xử công khai, các bị cáo và người bị hại có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

(giải thích án treo cho bị cáo C).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Hồ Hoàn Kiếm

Nơi nhận:
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- VKSND (Tỉnh + Huyện);
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Người bị hại
- THA huyện;
- Lưu HS.